

KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - TÀI CHÍNH TOÀN CẦU: NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN SAU KHỦNG HOẢNG

*Lưu Ngọc Trinh**

Cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính đang diễn ra mang tầm cỡ toàn cầu và tính thời đại sâu sắc, đến mức Alan Greenspan, nguyên Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Mỹ, gọi là cuộc khủng hoảng “trăm năm mới có một lần”. Cả thế giới đã, đang và chắc sẽ còn tiếp tục bàn luận lâu nữa về cuộc khủng hoảng này, trong đó trọng tâm vẫn là nguyên nhân, giải pháp để vượt thoát và khắc phục khủng hoảng và mô hình phát triển sau khủng hoảng. Bài viết này cũng hy vọng góp một tiếng nói vào việc bàn đến một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến khủng hoảng và mô hình (hay đúng hơn là xu hướng) phát triển của nền kinh tế toàn cầu và quốc gia sau khủng hoảng.

1. Những nguyên nhân chủ yếu của khủng hoảng: Về vấn đề này cũng đã có rất nhiều ý kiến bàn luận và chung quy lại

người ta có thể phân ra hai nhóm nguyên nhân như sau:

1.1. Những nguyên nhân trực tiếp. Cho đến nay, người ta đã tạm thống nhất được với nhau rằng, cuộc khủng hoảng (hay suy thoái) kinh tế toàn cầu khởi nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính-tín dụng ở Mỹ, bắt đầu xuất hiện khi quá trình bùng nổ thị trường nhà ở bước vào giai đoạn thoái trào sau thời kỳ bong bóng. Tuy nhiên, bên cạnh sự sụt giá nhà vốn là yếu tố châm ngòi cho sự bùng phát của khủng hoảng tài chính-tín dụng Mỹ, căn nguyên khủng hoảng còn bắt nguồn từ nhiều yếu tố, cả khách quan và chủ quan, trong đó quan trọng nhất phải kể tới các yếu tố sau:

(1) Sự hình thành và đổ vỡ của bong bóng nhà đất, của các khoản cho vay thế chấp nhà đất. Sâu hơn là những bất ổn tín dụng nói chung (cho vay nhà đất tại Mỹ chi chiếm khoảng 23% tổng các khoản vay).

* Phó giáo sư, Tiến sĩ,
Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

(2) **Yếu tố mang tính đầu cơ:** Hiện tượng đầu cơ là nguyên nhân đưa tới sự bùng nổ của thị trường này. Yếu tố khiến hiện tượng đầu cơ được đẩy mạnh đưa tới bong bóng nhà ở của Mỹ là sự thiếu kiến thức về tài chính của các hộ gia đình Mỹ. Thông tin không đầy đủ, thiếu kinh nghiệm và tham vọng của người tiêu dùng và các nhà đầu tư đã đưa tới niềm tin sai lầm cho rằng đầu tư vào nhà ở luôn là một khoản đầu tư tốt.

(3) Sự yếu kém của hệ thống tài chính - ngân hàng.

- *Tốc độ đổi mới và phát triển quá nhanh của các công cụ tài chính.* Tốc độ đổi mới phát triển nhanh chóng của các công cụ tài chính trong vòng 10 năm qua khiến các khoản tín dụng kém tính thanh khoản trở nên dễ dàng được “thanh khoản hóa” và được tính vào danh mục đầu tư. Các ngân hàng có các khoản vay đều có thể sử dụng kỹ thuật này để chứng khoán hóa các khoản tín dụng của chính mình. Do các khoản tín dụng rủi ro trở nên dễ thanh khoản hơn cũng khiến các ngân hàng giám sát người đi vay trở nên lỏng lẻo hơn. Điều này khiến thị trường tín dụng cũng dễ tiếp cận hơn đối với những người đi vay kém khả năng.

- Sự yếu kém trong giám sát tài chính:

+ *Các sản phẩm cầm cố rủi ro cao và chuẩn mực cho vay bị hạ thấp.* Nhằm tăng cường cạnh tranh và giữ khách, nhiều tổ chức cho vay của Mỹ đã hạ thấp tiêu chuẩn cho vay, trong nhiều trường hợp, các cá nhân đã được vay tiền mà không phải trình các tài liệu chứng minh thu nhập và bản thân những người đi vay cũng tự đặt mình vào rủi ro không có khả năng thanh toán một khi lãi

suất tăng do chấp nhận các khoản vay với lãi suất thả nổi trong một thời gian dài.

+ *Sự thiếu thận trọng của các ngân hàng và các tổ chức tài chính.* Nhiều tổ chức tài chính, ngân hàng đầu tư đã phát hành một số lượng lớn các khoản nợ trong giai đoạn 2004-2007 và đầu tư vào MBS với dự đoán giá nhà sẽ tiếp tục tăng và các chủ sở hữu nhà sẽ tiếp tục thanh toán các khoản nợ cầm cố. Đây là một hình thức tăng tỉ lệ vay trên vốn tự có (leverage ratio) khi các nhà đầu tư (ở đây là các tổ chức tài chính, các ngân hàng đầu tư) vay với lãi suất thấp và đầu tư với mức lãi suất cao. Điều này tương tự như việc một cá nhân cầm cố ngôi nhà của mình lần thứ hai để đầu tư vào thị trường chứng khoán. Khoản đầu tư này rất có lãi trong thời kỳ thị trường nhà ở bùng nổ song sẽ mang lại những khoản thua lỗ lớn khi giá nhà giảm và các khoản cầm cố không có khả năng được thanh toán.

Như vậy các tổ chức tài chính hàng đầu của nước Mỹ đã hành động thiếu thận trọng khi chỉ chú trọng tới lợi nhuận ngắn hạn và bỏ qua các rủi ro dài hạn. Hậu quả là không chỉ hệ thống tài chính Mỹ mà cả hệ thống tài chính toàn cầu đã phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng tài chính.

+ *Đánh giá tín nhiệm thiếu chuẩn xác.* Trong thời gian trước khi khủng hoảng, các tổ chức tín nhiệm của Mỹ đã đưa ra một số đánh giá tín nhiệm thiếu chuẩn xác, cụ thể là mức đánh giá tín nhiệm của CDOs và MBS được đưa ra ở mức cao dựa trên các khoản vay cầm cố dưới chuẩn. Khi đưa ra mức đánh giá tín nhiệm cao này, các tổ chức đánh giá tín nhiệm đã chưa đánh giá được hết hoặc đã hạ thấp các rủi ro của thị trường, kết

quả là các nhà đầu tư phải gánh chịu rủi ro mang tính hệ thống khiến hệ thống tài chính Mỹ và toàn cầu càng bị đẩy nhanh hơn đến nguy cơ sụp đổ. Việc đưa ra mức đánh giá tín nhiệm cao một cách thiếu chính xác đã khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư nhiều hơn vào các cổ phiếu dựa vào các khoản cầm cố dưới chuẩn (sub-prime mortgage) khiến thị trường nhà ở của Mỹ bùng nổ. Việc nới lỏng các quy định và yêu cầu về tịch biên của SEC càng khiến quá trình đánh giá tín nhiệm thiếu chính xác hơn.

Một yếu tố khác cũng cần kể tới ở đây là sự xung đột về quyền lợi. Chính các ngân hàng đầu tư và các công ty đứng ra tổ chức bán các sản phẩm cầm cố lại là người đứng ra trả tiền cho các tổ chức đánh giá tín nhiệm nên quá trình đánh giá tín nhiệm tất yếu sẽ có phần thiếu khách quan.

(4) Chính sách của chính phủ Mỹ.

- **Chính sách lãi suất.** Cuộc khủng hoảng nợ dưới chuẩn của Mỹ một phần khởi nguồn từ chính sách lãi suất thấp của Greenspan – cựu chủ tịch Fed. Chính sách lãi suất thấp này được coi là một trong những thủ phạm chính của cuộc khủng hoảng hiện nay. Chính sách lãi suất thấp của ông Alan Greenspan nhằm đối phó với sự suy giảm của kinh tế sau Sự kiện 9/11 cũng như sự sụp đổ của đợt bong bóng kinh tế đã bom một lượng thanh khoản khổng lồ vào hệ thống tiền tệ toàn cầu. Điều này đã khiến lãi suất ngắn hạn tụt xuống mức 1%, thấp nhất trong vòng 50 năm qua. Mức lãi suất này thấp hơn mức lãi suất cân bằng của thị trường. Trong một thời gian dài, lãi suất được giữ ở mức thấp.

Đến nay ông Greenspan đã phải thừa nhận lãi suất thấp là khởi nguồn cho cuộc

khủng hoảng nhà ở hiện nay ở Mỹ. Trong giai đoạn 2000-03, lãi suất cho các khoản vay cầm cố thời hạn 30 năm đã giảm xuống chỉ còn 2,5% so với mức 8% trước đó. Mức lãi suất này hiển nhiên làm giảm chi phí đi vay và tăng giá nhà ở tại một thị trường mà đa số người dân vay để mua nhà.

Sau khi nền kinh tế Mỹ phục hồi và nguy cơ lạm phát xuất hiện, việc tăng lãi suất của Fed đã khiến người mua nhà thế chấp lâm vào nguy cơ không thanh toán được nợ, thậm chí phải bán hoặc bị tịch thu nhà. Trong giai đoạn 2004-06, sự đảo chiều trong chính sách lãi suất của Fed qua 17 lần tăng lãi suất đã khiến lãi suất tăng mạnh từ 1% lên 5,25%, tuy nhiên để có thể ngăn chặn được cơn sốt trên thị trường bất động sản lẽ ra Fed đã phải tăng lãi suất từ trước đó. Khi khủng hoảng thị trường nhà ở và thị trường tín dụng có thể đe dọa tới toàn bộ nền kinh tế, Fed bắt đầu hạ lãi suất ngày 18/9/2007.

- **Chính sách khuyến khích tăng sở hữu nhà của người Mỹ.** Tăng tỉ lệ sở hữu nhà là một mục tiêu của chính phủ của cả hai tổng thống Mỹ gần đây nhất. Chính phủ đã dựa vào ngành công nghiệp cầm cố, trong đó có hai tổ chức là Fannie Mae và Freddie Mac để giảm các chuẩn mực cho vay. Đồng thời, chính sách cầm cố của Cục nhà ở và phát triển đô thị (HUD) Mỹ cũng là một yếu tố thúc đẩy việc cấp các khoản vay rủi ro.

- **Chính sách tiền tệ.** Với cơ chế lạm phát mục tiêu, các chính sách của Fed cũng chú trọng nhiều tới lạm phát có phần ít quan tâm tới tình trạng bong bóng của thị trường. Trong những năm qua, Fed dường như không quan tâm nhiều tới tình trạng bong bóng giá cả như bong bóng nhà ở hay đợt

bùng nổ dot.com. Fed chỉ có các chính sách phản ứng khi các đợt bong bóng bị sụp đổ nhằm hạn chế những tổn thất cho nền kinh tế chứ không có các chính sách đón đầu nhằm hạn chế sự hình thành bong bóng.

1.2. Những nguyên nhân căn bản: Đó chính là những mất cân bằng kinh tế, chính trị và tài chính căn bản, toàn cầu sâu sắc kéo dài trong hệ thống kinh tế và chính trị toàn cầu, phá vỡ các tương quan và cục diện phát triển hiện có, đẩy nền kinh tế và tài chính toàn cầu lao nhanh vào khủng hoảng dây chuyền và nghiêm trọng. Vậy, đó là những mất cân bằng nào?

- Thứ nhất, đó là sự lạc hậu, bất lực, không tương thích và không phù hợp của cơ cấu tổ chức, cung cách vận hành, điều chỉnh và quản trị của các tổ chức chính trị, kinh tế và tài chính-tiền tệ quốc tế như Liên hợp quốc, IMF và WB, vốn ra đời trên cơ sở của hoàn cảnh và trình độ phát triển kinh tế và chính trị sau chiến tranh thế giới thứ hai, trước những hoàn cảnh mới hoàn toàn khác của đầu thế kỷ XXI. Khác với ba thập kỷ trước đây, và càng khác hơn so với những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ngày nay, quy mô của từng nền kinh tế quốc gia lẫn nền kinh tế thế giới đã trở nên vô cùng to lớn, gấp nhiều lần so với trước. Ngày nay, tương quan lực lượng giữa các quốc gia đã thay đổi, nền kinh tế Mỹ từ chỗ chiếm 52% ngay sau Chiến tranh, nay chỉ còn khoảng 28%, trong khi đó thị phần của các nền kinh tế Nhật Bản, EU, đặc biệt là các nền kinh tế thị trường mới nổi (BRICs) như Braxin, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc đã tăng rất mạnh và tranh chấp với Mỹ trên nhiều phương diện. Điều đó có nghĩa là, ngày nay,

tiếng nói và ảnh hưởng của Mỹ không còn có tính quyết định duy nhất trên bản đồ kinh tế và chính trị thế giới nữa. Ngày nay, nền kinh tế toàn cầu và của nhiều quốc gia đã phát triển rất cao, dựa trên những nền tảng công nghệ và kỹ thuật hoàn toàn mới và đang dần chuyển sang nền kinh tế tri thức với những quy luật vận động hoàn toàn khác so với cơ sở công nông nghiệp của chúng trước đây. Đồng thời, khác hẳn so với tính chất đóng cửa hay ít mở cửa của các nền kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai, ngày nay, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã trở nên ngày càng sâu rộng, trong đó có sự phát triển và chi phối của các TNCs, một trong những tác nhân chủ yếu của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các dòng tài chính, đầu tư và thương mại đang ngày càng được di chuyển tự do trên phạm vi toàn cầu với tốc độ cao. Xu hướng chung là các dòng vận động này tuân thủ "luật chơi toàn cầu", thực chất là luật chơi thị trường ngày càng tự do hóa. Theo xu hướng đó, sự vận động của các nguồn lực ngày càng vượt ra khỏi sự chế ước của các quy tắc quản trị quốc gia, tức là thoát khỏi sự điều tiết nhà nước ở từng quốc gia cụ thể. Đây là một xu thế tất yếu. Chính theo xu thế đó, trong không gian thể chế toàn cầu – hội nhập quốc tế, kinh tế thế giới đã bùng nổ tăng trưởng. Quá trình này kéo dài liên tục trong hàng chục năm, khẳng định tính tất yếu của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Nó cũng khẳng định phải có những luật chơi và thể chế quản trị toàn cầu tương ứng, không bị trói buộc bởi những thể chế quản trị quốc gia vốn rất khác biệt, thậm chí, trái ngược và xung đột lẫn nhau. Khủng hoảng thể chế quản trị nền kinh tế toàn cầu cũng có

thể xem là một trong những nguyên nhân không nhỏ dẫn đến khủng hoảng tài chính-kinh tế toàn cầu hiện nay.

- *Thứ hai*, từ cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, với sự xuất hiện của chủ nghĩa tự do mới, quan hệ giữa nhà nước và thị trường đã bị đảo lộn theo hướng vai trò của nhà nước ngày càng bị người ta thu hẹp đến mức tối thiểu, còn thị trường được khuyến khích, ngày càng lấn sân hay lấn át nhà nước và được coi là có quyền lực gần như tuyệt đối và không bị kiểm soát trong việc vận hành nền kinh tế và cả xã hội. Nguyên lý cân bằng, hài hoà trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và nhà nước trong vận hành nền kinh tế thị trường bị vi phạm nghiêm trọng. Dường như cuộc khủng hoảng này một lần nữa nhắc nhở chúng ta về tính đúng đắn của lý thuyết Keynes: nền kinh tế Mỹ bị sụp đổ do thả lỏng quá mức vai trò điều tiết của thị trường tự do, đồng thời việc giải cứu nó theo đúng bài bản Keynes: nhà nước tung các gói kích cầu thì mới đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng. Đúng là như vậy. Cuộc khủng hoảng này bắt nguồn trực tiếp từ việc Chính phủ Mỹ cũng như nhiều chính phủ khác của các nền kinh tế phát triển đã “trao” quá nhiều quyền cho cơ chế thị trường tự do mà lại thiếu sự giám sát. Cục Dự trữ Liên bang đã thả lỏng tín dụng cho sự bùng nổ tăng trưởng “ảo” trong một thời gian quá dài. Kết cục là nền kinh tế sụp đổ. Sự sụp đổ

dây chuyền sang các nền kinh tế Tây Âu, Nhật Bản chỉ là hệ quả không tránh khỏi. Lỗi cấu trúc là ở sự mất cân đối nghiêm trọng trong quan hệ chức năng nhà nước - thị trường: khi quá ít nhà nước và quá nhiều thị trường tự do.

Rõ ràng là nếu nhà nước bỏ mặc thị trường, để thị trường tự do chi phối thì nền kinh tế sớm muộn cũng sẽ lâm vào tình trạng bất ổn và khủng hoảng. Đó là một chân lý cần được tuân thủ nghiêm ngặt. Chân lý này hàm chứa một gợi ý mang tầm cỡ đường lối và chiến lược cho Việt Nam: không được buông lỏng vai trò và chức năng quản trị phát triển của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường, nhất là trong điều kiện toàn cầu hóa. Đây là một vấn đề có tính nguyên tắc.

- *Thứ ba*, trong gần ba thập kỷ qua, trong khi các nền kinh tế công nghiệp phát triển, trước hết là Mỹ, đầu tàu của nền kinh tế thế giới, phát triển chủ yếu theo mô hình của một xã hội tiêu dùng, hạn chế tiết kiệm và phụ thuộc vào hàng tiêu dùng nhập khẩu từ bên ngoài, thì các nền kinh tế đang phát triển, nhất là châu Á, như Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước Đông Nam Á, và phần nào đó Nhật Bản, lại thiên về khuyến khích tiết kiệm, thúc đẩy đầu tư để phát triển mô hình công nghiệp hóa theo chiều rộng, gia công và hướng về xuất khẩu. Mỗi cân bằng này đã dần dần dẫn đến mất cân đối nghiêm trọng ở chỗ, các nền kinh tế phát triển đã trở nên tiêu dùng thái quá, vượt cả những gì mà họ sản xuất ra, họ phải phụ thuộc vào hàng nhập khẩu, phải đi vay để đầu tư vì tiết kiệm trong nước quá thấp, thiếu hụt ngân sách và cán cân thanh toán ngày càng nghiêm trọng, trong khi các nền kinh tế

châu Á lại tiết kiệm quá nhiều và tiêu dùng quá ít, họ phải phụ thuộc nặng vào thị trường nước ngoài, nhất là thị trường Mỹ, cho các mặt hàng xuất khẩu của mình. Hậu quả là, khi nền tài chính và sau đó là kinh tế Mỹ bị trục trặc và đổ vỡ, thị trường tiêu thụ khổng lồ cho các mặt hàng xuất khẩu của châu Á bị thu hẹp đột ngột, đẩy các nền kinh tế này vào suy thoái và khủng hoảng đầy chuyên nghiêm trọng.

- *Thứ tư*, cùng với quá trình tăng trưởng mạnh do thị trường điều tiết một cách không kiểm soát ở các nước công nghiệp phát triển và ở các nước đang phát triển công nghiệp hóa nhanh, nhất là ở các nền kinh tế mới nổi, một hậu quả tất yếu là thế giới ngày càng bị đẩy vào các cuộc khủng hoảng năng lượng, lương thực, khủng hoảng nguồn nước và khủng hoảng môi trường nghiêm trọng, và đặt nhân loại trước những hậu quả tai hại khôn lường của việc biến đổi khí hậu, trước các cuộc tranh chấp và xung đột và tranh chấp tài nguyên, tranh chấp thị trường và tranh chấp không gian ngày càng gay gắt. Thực tế, không ít các ý kiến cho rằng, cuộc khủng hoảng tài chính-kinh tế toàn cầu hiện nay bị đẩy tới mức nghiêm trọng như vậy là do nhân loại đã bị dồn tới giới hạn của các nguồn lực tự nhiên, đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm và biến đổi khí hậu nghiêm trọng có thể tác động trực tiếp tới sự tồn vong của mình và không thể không giải quyết ngay.

2. Những xu hướng phát triển chủ yếu sau khủng hoảng

Thế giới hậu khủng hoảng sẽ biến đổi theo những chiều hướng nào và sâu sắc đến mức nào? Đây là một câu hỏi rất lớn. Nó

quyết định cả sự lựa chọn chiến lược quốc gia lẫn phương hướng phát triển của các lý thuyết kinh tế. Về dài hạn, những xu hướng cơ bản vẫn được khẳng định, nhưng có những biểu hiện, động thái và tác động mới. Những xu hướng đó là:

+ *Thứ nhất, xu thế phát triển kinh tế tri thức*: chuyển sang một nhịp mới về chất. sẽ được thúc đẩy rất mạnh ở các nền kinh tế (“cường quốc”) mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, tạo nên một cuộc đua tranh - cạnh tranh khoa học - công nghệ quyết liệt giữa các nền kinh tế dẫn đầu thế giới. Xu hướng này sẽ là một động lực phát triển rất mạnh, thậm chí mạnh nhất, của nền kinh tế thế giới trong những thập niên tới. Nó có tác dụng làm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu thị trường toàn cầu, mở ra những cơ hội và lựa chọn mới cho các nền kinh tế.

+ *Thứ hai, xu thế toàn cầu hóa*: liên kết kinh tế xuyên quốc gia và liên quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh. Vai trò chi phối mạng kinh tế toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia (TNCs) tiếp tục được khẳng định. Tuy nhiên, dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tương quan sức mạnh giữa các TNCs; giữa các nhóm TNCs quốc gia đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ, trong đó, đặc biệt nổi lên vai trò của các TNCs Trung Quốc, lực lượng sẽ cạnh tranh trực diện với các TNCs Mỹ, EU và Nhật Bản.

+ *Thứ ba*, trong lĩnh vực quản trị phát triển toàn cầu, người ta đã cam kết phải nhanh chóng cải tổ các tổ chức tài chính quốc tế, nhất là Liên hợp quốc, Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới để gia tăng hiệu quả của quản trị nền kinh tế toàn cầu, khiến cho chúng trở nên minh bạch hơn. đàm

bảo nguyện vọng và nhu cầu của từng quốc gia đều được lắng nghe và tính đến, phù hợp với tương quan lực lượng và trật tự mới giữa các quốc gia. Trên thực tế, trong một năm qua, đã có rất nhiều các cuộc hội nghị, cả thượng đỉnh lẫn các cấp thấp hơn, cả các cuộc gặp song phương lẫn đa phương, để bàn và đưa ra các giải pháp theo hướng trên cho vấn đề này. Tuy vậy, có một thực tế là cho dù người ta đã đạt được một số giải pháp và cho dù có thay đổi theo hướng nào đi chăng nữa, trong một thời gian rất dài nữa, các nước lớn vẫn đóng vai trò quyết định trong hệ thống quốc tế, bởi lẽ họ vẫn có ảnh hưởng sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực và nắm trong tay những nguồn lực lớn nhất về tài chính, nhân lực có trình độ cao, khoa học-công nghệ tiên tiến, trình độ quản lý tốt. Vì thế, mặc dù hầu hết các quốc gia đều thấy hạn chế của hệ thống cũ, nhưng việc xóa bỏ hệ thống này và lập nên một hệ thống hoàn toàn mới hiện vẫn là chưa, nếu không muốn nói là bất khả thi. Vì vậy, các nỗ lực làm mới chủ yếu được thực hiện thông qua việc thúc đẩy cải cách LHQ, các tổ chức tài chính quốc tế và khu vực. Các nước đang phát triển không ngừng đấu tranh vì một hệ thống quốc tế mà ở đó họ có cơ hội bình đẳng hơn so với các nước lớn và các nguyên tắc về công lý và công bằng sẽ được thực hiện. Tuy vậy, đây là một quá trình phức tạp và lâu dài vì hệ thống cũ về cơ bản phục vụ lợi ích của các nước lớn nên không dễ gì họ chấp nhận từ bỏ các lợi ích đó. Nhưng các quốc gia cuối cùng sẽ có những thỏa hiệp để tạo dựng một hệ thống quốc tế không chỉ đủ sức duy trì và bảo đảm hòa bình, an ninh và phát triển, mà còn phản ánh tương quan lực lượng

giữa các nước và trào lưu dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế. Sự bất cập và suy yếu của hệ thống cũ có thể là cơ hội mở đầu cho việc xây dựng một hệ thống phù hợp hơn trong tương lai.

Thứ tư, cuộc khủng hoảng đã làm thay đổi mạnh mẽ nhận thức về vai trò của nhà nước trong kinh tế. Từ quan niệm của trường phái Tân tự do cho rằng chỉ cần một nhà nước nhỏ, tạo điều kiện cho tự do kinh doanh thì kinh tế thị trường có thể phát triển có hiệu quả. Cuộc khủng hoảng đã chứng minh nhận định đó là quá giản đơn, và nay, người ta đi đến các nhận thức thống nhất như sau: Sự can thiệp của nhà nước là cần thiết, Nhà nước được thừa nhận là có vai trò quan trọng bảo đảm môi trường kinh doanh để kinh tế thị trường hoạt động có hiệu quả như tổ chức việc cung ứng các hàng hóa công, giám sát hoạt động của các thể chế kinh tế thị trường tuân thủ pháp luật, bảo đảm an sinh xã hội và can thiệp khi cần thiết để tránh nền kinh tế bị sụp đổ khi các ngân hàng thương mại hay các doanh nghiệp quá lớn phá sản. Điều quan trọng là nhà nước không hành động ngược lại các nguyên tắc của kinh tế thị trường và không thay thế các thể chế kinh tế thị trường. Tạm thời can thiệp, dựng lại ngân hàng thương mại hay doanh nghiệp, hoàn toàn không đồng nghĩa với việc nhà nước phải đứng ra trực tiếp kinh doanh hay duy trì lâu dài doanh nghiệp nhà nước. Trong các quy định về việc mua cổ phần ở các doanh nghiệp hay ngân hàng thương mại bị phá sản ở Mỹ, đều có xác định rõ công việc nhà nước phải làm để ổn định hoạt động và sau đó sẽ thoái lại cổ phần chứ không duy trì lâu dài doanh nghiệp nhà nước.

Thứ năm, cuộc khủng hoảng kinh tế lần này khiến người ta vỡ ra một điều là, các nước đang phát triển châu Á không thể tiếp tục thất lưng buộc bụng, tiết kiệm chi tiêu, tập trung cho đầu tư sản xuất để xuất khẩu sang các thị trường hướng về tiêu dùng ở các nước công nghiệp phát triển, và các nước phát triển, như Mỹ, cũng không thể “lao theo” xã hội tiêu dùng mà quên mất thói quen tiết kiệm để đầu tư cho sản xuất được nữa. Ngay từ bây giờ, các nước châu Á đang có kế hoạch để chuyển đổi sang một chính sách công nghiệp và thương mại ngoài việc đẩy mạnh xuất khẩu, họ cần lấy nhu cầu nội địa làm động lực tăng trưởng chính, còn các nước công nghiệp phát triển cũng cần có những chính sách khuyến khích người dân hạn chế tiêu dùng và cố gắng tiết kiệm để đầu tư. Tuy vậy, để thực hiện được việc này, cả các nước châu Á lẫn các nước phát triển sẽ phải thay đổi cả một nền văn hóa, một phong cách tiêu dùng và một đường lối phát triển đã có từ hơn hai thập niên qua, và chắc chắn điều đó không thể làm được trong ngày một ngày hai. Điều đó có nghĩa là, đối với các nước châu Á, họ cần cải thiện hệ thống an sinh xã hội và sử dụng biện pháp khuyến khích thuế để kích thích tiêu dùng và giảm mức tiết kiệm. Bởi vì lâu nay, văn hóa tiết kiệm và lối sống tằn tiện của nhiều người châu Á được hình thành một phần là do châu Á thiếu mạng lưới an sinh xã hội hay do hệ thống an sinh xã hội chưa phát triển hoặc kém hiệu quả. Đồng thời, trong những thập kỷ gần đây, để công nghiệp hóa nhanh chóng, hầu hết các nước này đều thực thi chế độ thuế tập trung vào thúc đẩy đầu tư hơn là kích thích chi tiêu nội địa. Trong khi đó, các nước công nghiệp phát triển lại thiên về các

chính sách thuế và an sinh xã hội khuyến khích tâm lý tiêu dùng thay vì tiết kiệm và đầu tư.

Thứ sáu, một trong những vấn đề mà các tổ chức quốc tế, các nước đang bàn đến nhiều nhất và một số nước đã bắt đầu có những cam kết cùng nhau giảm bớt lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, tiến hành chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cải tiến công nghệ theo hướng xây dựng một nền kinh tế xanh và phát triển bền vững, thống nhất coi đó là một trong những giải pháp cơ bản để tránh xảy ra khủng hoảng và duy trì sự tồn tại của loài người. Đó là một nền kinh tế có công nghệ cao, tiêu hao ít nguyên nhiên liệu, không gây ô nhiễm môi trường. Mặc dù Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu toàn cầu dự kiến tổ chức tại Copenhagen (Đan Mạch) vào tháng 12 đang tới gần, nhưng cho đến nay vẫn chưa có nước nào, nhất là những thủ phạm gây ô nhiễm nhiều nhất như Mỹ, Trung Quốc, và EU, vẫn chỉ dừng lại ở các tuyên bố chung chung và có tính nguyên tắc, chứ chưa có nước nào đưa ra được những chỉ tiêu cụ thể cho vấn đề này. Bởi vì việc cam kết và thực hiện cam kết, mặc dù họ biết sẽ mang lại lợi ích chung và lâu dài, nhưng sẽ đe dọa trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng, lợi nhuận và sức cạnh tranh hiện tại và trước mắt của nền kinh tế của họ, nên điều này cũng đòi hỏi phải có nỗ lực và thời gian thêm nữa.

Bên cạnh những xu hướng “vốn có” nêu trên, cuộc khủng hoảng còn làm nổi lên những xu hướng mới:

+ Diễn ra quá trình *định vị lại tương quan sức mạnh và cục diện phát triển quốc tế*. Hai biến số này sẽ thay đổi nhanh chóng và sâu

sắc trong giai đoạn tới, trong đó, điển hình nhất là sự trỗi dậy của Trung Quốc để tranh giành vị trí ảnh hưởng trong hệ thống kinh tế quốc tế. Đồng thời, trong quá trình định vị lại đó, cuộc cạnh tranh giành quyền chi phối và phạm vi ảnh hưởng đến kinh tế thế giới và khu vực giữa Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản sẽ diễn ra trên toàn tuyến, công khai và ngày càng quyết liệt.

+ *Tái cấu trúc kinh tế toàn cầu*, với một số nội dung nổi bật là: i) xu hướng dịch chuyển mạnh các dòng đầu tư, trong đó cần đặc biệt lưu ý đến xu hướng đầu tư của Trung Quốc và từ Trung Quốc ra bên ngoài; và ii) cùng với xu hướng phát triển công nghệ cao được thúc đẩy mạnh mẽ ở các nước phát triển, diễn ra quá trình di chuyển công nghệ trên quy mô lớn (cực lớn) theo hai xu hướng: i) *Một là*, di chuyển công nghệ cao về phía BRIC. ii) *Hai là*, di chuyển công nghệ thấp từ các nền kinh tế đi trước sang các nền kinh tế đi sau có đẳng cấp thấp hơn.

Các xu hướng di chuyển vốn và công nghệ nói trên tác động rất mạnh đến: Hướng và chất lượng các dòng đầu tư nước ngoài; Các hệ quả xã hội (di chuyển lao động) và môi trường (ô nhiễm, cạn kiệt tài nguyên) to lớn, nhất là đối với những nước nghèo đi sau.

+ *Hình thành tương quan tiền tệ thế giới mới*, trong đó, đồng USD, đồng Euro suy yếu tương đối, bên cạnh sự nổi lên mạnh mẽ của đồng NDT. Sự thay đổi tương quan này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cục diện phát triển toàn cầu, và đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp mạnh mẽ đến Việt Nam.

Trên đây chỉ là khái quát một số xu hướng chính của thế giới hậu khủng hoảng. Những xu hướng đó cho thấy rằng trong giai đoạn hậu khủng hoảng, thế giới sẽ biến đổi mạnh mẽ. Nhưng đó không phải, không chủ yếu là những biến đổi tiệm tiến về lượng. Chúng thực sự mang lại cho thế giới một diện mạo mới, với trục kinh tế trung tâm là toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và kinh tế tri thức.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Phương Anh, 2009, Bức tranh xám khủng hoảng tài chính, *Tạp chí Tài chính*, số tháng 2.
2. Lưu Ngọc Trinh, 2008, Sự sụp đổ tài chính phố Wall và cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 12;
3. Lưu Ngọc Trinh, 2009, Triển vọng kinh tế thế giới năm 2009 và những vấn đề đặt ra, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 3, trang 21-30;
4. Lưu Ngọc Trinh (chủ biên), 2009, *Kinh tế và Chính trị Thế giới năm 2008 và Triển vọng năm 2009*, NXB. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, trang;
5. Võ Đại Lộc, 2008, Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay và những tác động, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 10, trang 3-10;
6. Võ Đại Lộc, 2009, Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay – Vấn đề và giải pháp, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 4, trang 38-46;

7. Khương Duy, 2008, Nỗ lực giải cứu cuộc khủng hoảng tài chính và triển vọng kinh tế Mỹ, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 9;
8. Nguyễn Xuân Thắng, 2009, Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những hệ lụy chủ yếu, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 4, trang 47-52;
9. Tào Khánh Hợp, 2009, Tái cấu trúc hệ thống tài chính toàn cầu sau khủng hoảng, *Tạp chí Tài chính*, số 6.
10. Đỗ Hoài Nam, 2009, Một số lý thuyết kinh tế chính trên thế giới hiện nay qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản Điện tử*, số 20 (188);
11. Phạm Bích Ngọc và Cao Tuệ Minh, 2009, Trung Quốc với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, *Nghiên cứu Kinh tế*, số 372, tháng 5;
12. Nguyễn Minh, 2009, Các thể chế toàn cầu trước thách thức mới, *Tạp chí Cộng Sản*, số 799, tháng 5;
13. Nguyễn Văn Thanh, 2009, Khủng hoảng tài chính và những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, *Tạp chí Cộng Sản*, số 797, tháng 3.
14. Đặng Xuân Thanh, Toàn cảnh chính trị thế giới năm 2008, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số tháng 3 và 4.
15. Đinh Trọng Thịnh, 2009, Qua khủng hoảng toàn cầu nghĩ về vai trò quản trị kinh tế của Nhà Nước, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số 20 (188).